

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Sơ kết việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 giai đoạn thứ nhất (từ năm 2023 đến năm 2026) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Kế hoạch số 2259/KH-TTTP ngày 14/7/2026 của Thanh tra Chính phủ về sơ kết việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 giai đoạn thứ nhất (2023-2026) và xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng giai đoạn thứ hai; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Sơ kết việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 giai đoạn thứ nhất; đồng thời tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ giai đoạn thứ nhất theo Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ, sản phẩm đã được giao; làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Trên cơ sở kết quả sơ kết, tổng kết, đề xuất các nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Chiến lược và Công ước trong giai đoạn thứ hai (2026 - 2030) theo hướng kế thừa các nội dung của giai đoạn trước, cập nhật bổ sung đầy đủ các chỉ đạo mới của cấp có thẩm quyền, bảo đảm ngắn gọn, khả thi, phù hợp tình hình thực tế; cung cấp đầy đủ thông tin xây dựng Báo cáo sơ kết chung của tỉnh gửi Thanh tra Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Việc sơ kết phải bám sát nội dung, đề cương kèm theo Kế hoạch số 2259/KH-TTTP của Thanh tra Chính phủ; đồng thời đối chiếu đầy đủ các nhiệm vụ, sản phẩm và cơ quan được giao tại Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh.

- Kết quả báo cáo phải khách quan, có căn cứ, thể hiện rõ sản phẩm, tiến độ, hiệu quả thực tế; các chỉ tiêu có thể lượng hóa phải ghi số liệu cụ thể.

- Bảo đảm thống nhất về phạm vi, thời kỳ và phương pháp tổng hợp; không trùng lặp số liệu giữa các cơ quan, đơn vị, giữa số liệu trước và sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI KỲ VÀ HÌNH THỨC SƠ KẾT

1. Phạm vi sơ kết: Việc tổ chức thực hiện Chiến lược và Kế hoạch số 53/KH-UBND trên phạm vi toàn tỉnh; tập trung vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược, các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục chi tiết Kế hoạch số 53/KH-UBND và các yêu cầu tại Đề cương kèm theo Kế hoạch số 2259/KH-TTCTP.

2. Đơn vị báo cáo, phối hợp cung cấp thông tin

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch số 53/KH-UBND, Phụ lục 01, Phụ lục 02 và Phụ lục 03 kèm theo Kế hoạch này có trách nhiệm báo cáo, rà soát, xác nhận và cung cấp thông tin, số liệu theo nội dung được phân công.

- UBND các xã, phường không phải xây dựng báo cáo sơ kết và các phụ lục riêng; có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu đối với nội dung cụ thể theo đề nghị của Thanh tra tỉnh hoặc cơ quan chủ trì tổng hợp.

3. Thời kỳ báo cáo: Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/6/2026.

4. Hình thức sơ kết: Các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát nội bộ, xây dựng báo cáo và phụ lục theo phân công, gửi về Thanh tra tỉnh tổng hợp. UBND tỉnh tổ chức sơ kết chung trên phạm vi toàn tỉnh thông qua việc xây dựng, ban hành Báo cáo sơ kết; việc tổ chức hội nghị cấp tỉnh do UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở yêu cầu thực tế, bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, tiết kiệm.

III. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

- Việc quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh; phân công trách nhiệm, bố trí nguồn lực và phối hợp thực hiện.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân đối với việc thực hiện Chiến lược và Công ước giai đoạn thứ nhất.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hằng năm; việc xử lý khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh nhiệm vụ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Kết quả thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, hoàn thiện chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính; nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; phối hợp phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực và thu hồi tài sản.

- Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò và trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Tham gia, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng và thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Đối với từng nhóm nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì phải nêu rõ: Nhiệm vụ đã hoàn thành, đang thực hiện, chưa hoàn thành; sản phẩm cụ thể; số liệu định lượng; kết quả, tác động; tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm; kiến nghị xử lý hoặc nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện.

3. Đánh giá chung

- Mức độ hoàn thành các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của Chiến lược và Kế hoạch số 53/KH-UBND trong giai đoạn thứ nhất.

- Kết quả nổi bật, mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả; nguyên nhân của kết quả.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân khách quan, chủ quan; bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và phối hợp.

4. Yêu cầu trong giai đoạn mới và kiến nghị, đề xuất: Đánh giá yêu cầu mới đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong điều kiện sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và cải cách chế độ công vụ; đề xuất nhiệm vụ, sản phẩm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian thực hiện Chiến lược, Công ước Liên hợp quốc giai đoạn thứ hai (2026 - 2030).

IV. NỘI DUNG BÁO CÁO VÀ TỔNG HỢP SỐ LIỆU

1. Báo cáo theo Đề cương: Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung được phân công tại Kế hoạch số 53/KH-UBND để xây dựng báo cáo theo Đề cương được gửi kèm theo Kế hoạch này; chỉ báo cáo những nhiệm vụ trực tiếp được giao chủ trì hoặc phối hợp, bảo đảm rõ kết quả, sản phẩm, tiến độ và số liệu cụ thể.

2. Phụ lục 01 - Kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch số 53/KH-UBND: Cơ quan được giao chủ trì cập nhật đầy đủ kết quả thực hiện từng nhiệm vụ; cơ quan phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan. Trường hợp cơ quan đã được sắp xếp, hợp nhất hoặc kết thúc hoạt động thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo.

3. Phụ lục 02 - Số liệu về công tác phòng, chống tham nhũng: Đối với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại cột “Ghi chú bổ sung, rà soát” thực hiện kiểm tra, đối chiếu, xác nhận hoặc bổ sung đúng chỉ tiêu được phân công; không tổng hợp lại các chỉ tiêu đã có số liệu và không thuộc trách nhiệm rà soát của đơn vị.

4. Phụ lục 03 - Đề xuất nhiệm vụ thực hiện Chiến lược, Công ước Liên hợp quốc giai đoạn thứ hai (2026 - 2030): Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, kết quả thực hiện giai đoạn thứ nhất và yêu cầu thực tiễn đề ra

soát, đề xuất tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc bổ sung nhiệm vụ giai đoạn thứ hai; bảo đảm nội dung ngắn gọn, khả thi và phù hợp với phạm vi quản lý.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thanh tra tỉnh

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giải đáp nội dung phát sinh; tiếp nhận, kiểm tra chất lượng báo cáo, phụ lục và tài liệu chứng minh của các cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì tổng hợp kết quả các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 01 về rà soát Luật Phòng, chống tham nhũng; đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng; các nhiệm vụ thuộc ngành Thanh tra, kiểm soát tài sản, thu nhập, tuyên truyền, bảo vệ người phát hiện, tố giác và thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Chủ trì rà soát, bổ sung các chỉ tiêu Phụ lục 02 về thanh tra trách nhiệm và Mục VIII về phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực trong ngành Thanh tra; sử dụng số liệu đã tổng hợp để đối chiếu, loại trừ trùng lặp và yêu cầu cơ quan có liên quan xác nhận số liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp rà soát các nhiệm vụ tại Phụ lục 03 về theo dõi kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách; các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; thanh tra, kiểm tra; theo dõi thực hiện kết luận thanh tra; cung cấp thông tin thực hiện Công ước; đào tạo, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác quốc tế và kiểm tra, sơ kết, tổng kết.

- Tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết và 03 phụ lục, trình UBND tỉnh; trường hợp cơ quan, đơn vị chậm báo cáo, số liệu không rõ nguồn hoặc chưa thống nhất thì yêu cầu giải trình, bổ sung và báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tư pháp

- Chủ trì tổng hợp nhiệm vụ rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả triển khai Luật Đấu giá tài sản, Luật Giám định tư pháp và việc tham gia nghiên cứu tính khả thi và tham gia góp ý việc xây dựng cơ chế thu hồi tài sản không qua thủ tục kết tội tại Phụ lục 01.

- Phối hợp các sở, ngành rà soát kết quả thực hiện các nhiệm vụ pháp luật chuyên ngành tại Phụ lục chi tiết của Kế hoạch số 53/KH-UBND; tổng hợp các kiến nghị về quy định về chính sách, pháp luật còn sơ hở, bất cập, chồng chéo và kết quả xử lý kiến nghị.

- Chủ trì rà soát nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và phối hợp đề xuất các nhiệm vụ hoàn thiện chính sách, pháp luật, giáo dục liên chính trong Phụ lục 03.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì báo cáo các nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về: Kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, cải cách chính sách tiền lương, thi đua, khen thưởng; tổng hợp kết quả kiện toàn

tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và chuyển đổi vị trí công tác.

- Chủ trì rà soát, bổ sung các chỉ tiêu Phụ lục 02 về: Số đề xuất đổi mới, sáng tạo được phê duyệt; số cán bộ bị thay thế, điều chuyển do năng lực yếu, sợ sai, đùn đẩy, né tránh; số người phải chuyển đổi và đã chuyển đổi vị trí công tác; làm rõ phạm vi, số chuyển tiếp và loại trừ trùng lặp.

- Chủ trì rà soát các nhiệm vụ tại Phụ lục 03 về: Kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra công vụ; phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nội dung giáo dục liên chính trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì báo cáo kết quả các nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về: Rà soát, góp ý bổ sung Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; rà soát, góp ý sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán; Luật đầu tư công và các nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi sắp xếp, hợp nhất mà Sở Tài chính tiếp nhận chức năng, hồ sơ.

- Phối hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực phụ trách địa bàn Thanh Hóa rà soát, thống nhất các chỉ tiêu tại Phụ lục 02 về số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội thuộc phạm vi áp dụng và số đơn vị đã xây dựng, thực hiện quy tắc đạo đức kinh doanh, cơ chế kiểm soát nội bộ.

- Rà soát, đề xuất nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách, tài sản công, đầu tư, đầu tư công, doanh nghiệp, đấu thầu và công khai, minh bạch theo Phụ lục 03.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi sắp xếp tại Phụ lục 01, gồm: Rà soát, hướng dẫn thực hiện pháp luật về đất đai, Luật khoáng sản và các nội dung liên quan thuộc chức năng hiện nay; rà soát, đề xuất nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; công khai, minh bạch quy trình, thủ tục trong quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường theo Phụ lục 03;

- Phối hợp cung cấp số liệu chuyên ngành khi Thanh tra tỉnh hoặc cơ quan chủ trì đề nghị.

6. Sở Xây dựng

- Chủ trì báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về rà soát hướng dẫn Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch; nêu rõ sản phẩm, thời điểm ban hành, kết quả thực hiện và nhiệm vụ chưa hoàn thành.

- Rà soát, đề xuất nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách; công khai quy định, quy trình, thủ tục trong lĩnh vực nhà ở, thị trường bất động sản, quy hoạch và xây dựng theo Phụ lục 03.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ về: Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 và các nội dung về ứng dụng công nghệ, dữ liệu số được tiếp

nhận từ Sở Thông tin và Truyền thông trước khi sắp xếp; phối hợp Thanh tra tỉnh trong việc triển khai cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trích xuất, rà soát, thống nhất các chỉ tiêu Phụ lục 02 về tổng số dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trong thời kỳ báo cáo (*Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/6/2026*).

8. Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

- Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ rà soát các chỉ tiêu Phụ lục 02 về dịch vụ công trực tuyến theo đúng khái niệm, phạm vi, từng kỳ và thời điểm; làm rõ thay đổi phương pháp phân loại, bảo đảm tổng số phù hợp với các chỉ tiêu thành phần.

- Tổng hợp kết quả công khai quy định, quy trình, thủ tục; cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, số hóa hồ sơ, công khai tiến độ giải quyết và trách nhiệm giải trình; phối hợp các sở, ngành, UBND các xã, phường thực hiện nhiệm vụ tương ứng tại Phụ lục 03.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh truyền hình Thanh Hóa

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổng hợp kết quả các nhiệm vụ về rà soát góp ý sửa đổi bổ sung và hướng dẫn triển khai Luật Xuất bản, Luật Báo chí, quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của nhà báo, cơ quan báo chí, truyền thông được tiếp nhận từ Sở Thông tin và Truyền thông trước khi sắp xếp theo Phụ lục 01.

- Báo và Phát thanh truyền hình Thanh Hóa phối hợp cung cấp thông tin, số liệu về tin, bài, chuyên trang, chuyên mục, chương trình tuyên truyền; kết quả phát huy vai trò giám sát của báo chí và phối hợp thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền tại Phụ lục 03.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp Thanh tra tỉnh tổng kết việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng theo Phụ lục 01; báo cáo số cơ sở, chương trình, tài liệu, người học và kết quả thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp rà soát nhiệm vụ tiếp tục đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và giáo dục liêm chính vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo Phụ lục 03.

11. Sở Ngoại vụ: Phối hợp Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan rà soát nhiệm vụ tham gia đào tạo, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng theo Phụ lục 03; cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng khi có yêu cầu.

12. Công an tỉnh

- Chủ trì báo cáo kết quả các nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về: Rà soát, góp ý sửa đổi cơ chế thiết lập quy trình quản lý, xử lý tài sản phạm tội và tài sản liên quan đến tham nhũng, kinh tế, rửa tiền; tham gia xây dựng đề án tăng cường

kiểm tra, giám sát chuyên đề về công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận, giải quyết nguồn tin; rà soát hệ thống góp ý sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự; hướng dẫn triển khai thực hiện Luật về dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có chức năng rà soát nhiệm vụ tại Phụ lục 03 về phát hiện, chuyển giao, xử lý vụ việc, vụ án có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn tẩu tán, thu hồi tài sản và xử lý vụ việc có yếu tố nước ngoài; cung cấp số liệu thuộc phạm vi quản lý để đối chiếu Phụ lục 02.

13. Thi hành án dân sự tỉnh

- Chủ trì tổng hợp kết quả rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện Luật Thi hành án dân sự theo Phụ lục 01; báo cáo kết quả thi hành các bản án, quyết định liên quan đến tham nhũng, kinh tế và thu hồi tài sản.

- Phối hợp các cơ quan tiến hành tố tụng, Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ ngăn chặn tẩu tán, nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, kinh tế tại Phụ lục 03; cung cấp số liệu đối chiếu Phụ lục 02.

14. Thuế tỉnh Thanh Hóa

- Chủ trì tổng hợp kết quả các nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về: Hướng dẫn triển khai Luật Quản lý thuế, Luật Thuế bảo vệ môi trường, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Rà soát, đề xuất nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, công khai, minh bạch và phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực thuế theo Phụ lục 03; phối hợp cung cấp số liệu chuyên ngành theo đề nghị.

15. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 7

- Chủ trì tổng hợp kết quả nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về Luật các Tổ chức tín dụng và tổng kết Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025.

- Phối hợp Sở Tài chính rà soát, thống nhất các chỉ tiêu Phụ lục 02 về tổ chức tín dụng và việc xây dựng, thực hiện quy tắc đạo đức kinh doanh, cơ chế kiểm soát nội bộ; đề xuất nhiệm vụ tiếp tục thực hiện theo Phụ lục 03 trong phạm vi chức năng.

16. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

- Chủ trì rà soát, bổ sung và thống nhất số liệu toàn thời kỳ tại Phụ lục 02 về số vụ án tham nhũng đã bị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ và số bị can tham nhũng đã bị truy tố.

- Phối hợp Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh và Thanh tra tỉnh thống nhất số liệu vụ án, bị can, bị cáo, tài sản thu hồi; thực hiện các nhiệm vụ phối hợp tại Phụ lục 01 và Phụ lục 03 theo chức năng.

17. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh

- Chủ trì rà soát phạm vi xét xử sơ thẩm, thống nhất số liệu tại Phụ lục 02 về số vụ án tham nhũng, tiêu cực đã đưa ra xét xử và số đối tượng bị kết án, bảo đảm thống nhất với các chỉ tiêu liên quan trong cùng Phụ lục.

- Phối hợp cơ quan tiền hành tổ tụng, Thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ tại Phụ lục 01, Phụ lục 03 và xác nhận số liệu tài sản thu hồi bằng biện pháp tư pháp thuộc phạm vi quản lý.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Chủ trì tổng hợp kết quả các nhiệm vụ tại Phụ lục 01 về giám sát, phản biện xã hội và rà soát Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp cung cấp thông tin về tuyên truyền, vận động, tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

- Chủ trì rà soát nhiệm vụ tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và Nhân dân trong Phụ lục 03.

19. Đề nghị Kiểm toán nhà nước khu vực XI

- Chủ trì tổng hợp kết quả rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn triển khai Luật Kiểm toán nhà nước theo nhiệm vụ tại Phụ lục 01; cung cấp kết quả kiểm toán liên quan đến địa phương, kiến nghị xử lý và kết quả thực hiện kiến nghị trong phạm vi được phép sử dụng.

- Phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, phát hiện, chuyển giao và xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực theo Phụ lục 03.

20. Đề nghị VCCI Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

- Chủ trì tổng hợp kết quả tham gia xây dựng, hướng dẫn thực hiện Đề án kinh doanh liên chính theo Phụ lục 01; cung cấp thông tin về tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng quy tắc đạo đức kinh doanh và cơ chế kiểm soát nội bộ.

- Phối hợp cơ quan quản lý theo chức năng rà soát nhiệm vụ tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước xây dựng văn hóa kinh doanh liên chính theo Phụ lục 03.

21. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh khác và UBND các xã, phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công tại Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03, rà soát kết quả thực hiện; trường hợp cơ quan đã được sắp xếp, hợp nhất hoặc kết thúc hoạt động thì cơ quan đang quản lý hồ sơ, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Các sở, ban, ngành theo chức năng rà soát, đề xuất tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật; công khai, minh bạch quy định, quy trình, thủ tục và thực hiện các nhiệm vụ phối hợp tại Phụ lục 03.

- UBND các xã, phường: Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu và số liệu thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu cụ thể của Thanh tra tỉnh hoặc cơ quan được giao chủ trì; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung cung cấp.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của báo cáo, số liệu, tài liệu chứng minh; phân công đầu mối phối hợp với Thanh tra tỉnh, giải trình, bổ sung đúng thời hạn và thực hiện nghiêm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, dữ liệu cá nhân và thông tin về người tố cáo.

VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này và các phụ lục kèm theo, gửi báo cáo, kết quả rà soát, xác nhận số liệu về Thanh tra tỉnh. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm giải đáp đối với nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Các cơ quan, đơn vị gửi Báo cáo theo đề cương; Phụ lục 01 đã cập nhật kết quả; Phụ lục 02: Xác nhận, bổ sung các chỉ tiêu được giao; Phụ lục 03: Ý kiến rà soát, đề xuất về Thanh tra tỉnh, đồng thời gửi tệp Word/Excel có thể chỉnh sửa qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để phục vụ tổng hợp **trước ngày 12/8/2026**.

- Thanh tra tỉnh: (1) kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp và làm việc với cơ quan, đơn vị có số liệu chưa thống nhất; cơ quan, đơn vị được yêu cầu phải giải trình, bổ sung và xác nhận lại trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc; (2) hoàn thiện dự thảo Báo cáo sơ kết và 03 Phụ lục, trình UBND tỉnh xem xét **trước ngày 25/8/2026**.

- UBND tỉnh hoàn thành Báo cáo sơ kết gửi Thanh tra Chính phủ theo Kế hoạch số 2259/KH-TTCTP **trước ngày 31/8/2026**.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Các cơ quan: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Viện KSND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 7;
- VCCI Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TDNC, HCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tô Anh Dũng

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC ĐẾN NĂM 2030
GIẢI ĐOẠN THỨ NHẤT (TỪ NĂM 2023 ĐẾN NĂM 2026)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. KHÁI QUÁT CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI BÁO CÁO

Khái quát chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp tại Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh và các phụ lục kèm theo Kế hoạch sơ kết. Trường hợp có sắp xếp, hợp nhất, chuyển giao chức năng, nhiệm vụ thì nêu rõ cơ quan tiền nhiệm, nội dung được tiếp nhận, hồ sơ đang quản lý và phạm vi số liệu thuộc trách nhiệm tổng hợp. Chỉ nêu những đặc điểm có tác động trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao trong thời kỳ từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/6/2026.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

- Việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP, Kế hoạch số 53/KH-UBND và các văn bản có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.
- Việc ban hành văn bản, chương trình, kế hoạch; phân công đơn vị, cá nhân chủ trì tham mưu; bố trí nguồn lực, hồ sơ và điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.
- Công tác phối hợp với cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; kiểm tra, đôn đốc, theo dõi tiến độ; xử lý khó khăn, vướng mắc và tiếp nhận nhiệm vụ sau sắp xếp tổ chức bộ máy.
- Việc tổng hợp, lưu trữ tài liệu, báo cáo kết quả thực hiện; trách nhiệm của người đứng đầu và bộ phận được giao tham mưu đối với nhiệm vụ thuộc phạm vi báo cáo.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI KẾ HOẠCH SỐ 53/KH-UBND

1. Kết quả thực hiện từng nhiệm vụ được giao

Đối với mỗi nhiệm vụ, trình bày riêng theo kết cấu sau:

- Tên nhiệm vụ, số thứ tự và nhóm nhiệm vụ theo Phụ lục 01; cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; sản phẩm và thời hạn hoàn thành được giao.
- Quá trình tổ chức thực hiện: Văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hoạt động chuyên môn, hình thức phối hợp và các bước công việc đã triển khai.
- Kết quả, sản phẩm cụ thể: Ghi rõ tên, số, ký hiệu, ngày ban hành của văn bản hoặc sản phẩm; số lượng, khối lượng công việc; số liệu định lượng; phạm vi,

đối tượng và kết quả áp dụng. Trường hợp sản phẩm không phải là văn bản thì mô tả rõ hình thức, thời điểm hoàn thành và tài liệu chứng minh.

- Mức độ hoàn thành: Xác định một trong các trạng thái “đã hoàn thành”, “đang thực hiện”, “chưa thực hiện” hoặc “không còn phù hợp do thay đổi quy định, tổ chức bộ máy”; nêu căn cứ xác định và tiến độ thực tế so với thời hạn được giao.

- Hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện đối với công tác quản lý nhà nước, phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực hoặc lĩnh vực chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân khách quan, chủ quan; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, bộ phận có liên quan, không quy kết khi chưa đủ căn cứ.

- Nội dung cần tiếp tục thực hiện, biện pháp khắc phục và thời hạn dự kiến hoàn thành đối với nhiệm vụ đang thực hiện hoặc chưa hoàn thành.

2. Kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ

Đối với nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao phối hợp, chỉ nêu nội dung đã tham gia, tài liệu hoặc số liệu đã cung cấp, kết quả phối hợp và vấn đề còn chưa thống nhất. Không lặp lại toàn bộ kết quả do cơ quan chủ trì báo cáo.

3. Rà soát, xác nhận số liệu tại Phụ lục 02 (nếu được giao)

Cơ quan, đơn vị chỉ rà soát, xác nhận hoặc bổ sung các chỉ tiêu được giao tại cột “Ghi chú bổ sung, rà soát” của Phụ lục 02; nêu rõ nguồn số liệu, kỳ báo cáo, phương pháp tính, phạm vi quản lý và việc loại trừ số liệu trùng lặp. Không lập lại toàn bộ Phụ lục 02 và không thu thập lại các số liệu đã được UBND tỉnh báo cáo, phát hành, trừ trường hợp có căn cứ xác định số liệu chưa chính xác hoặc cần bổ sung.

***Lưu ý:** Cơ quan được giao chủ trì báo cáo lần lượt từng nhiệm vụ theo đúng tên nhiệm vụ, sản phẩm, thời hạn và thứ tự tại Phụ lục 01. Không trình bày chung toàn bộ nội dung của từng nhóm nhiệm vụ, giải pháp nếu cơ quan không được giao thực hiện. Cơ quan phối hợp chỉ báo cáo nội dung đã trực tiếp tham gia hoặc cung cấp theo đề nghị của cơ quan chủ trì, tránh trùng lặp.*

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG TRONG PHẠM VI NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

- Kết quả nổi bật, sản phẩm đã hoàn thành, cách làm hiệu quả và tác động thực tế của các nhiệm vụ do cơ quan, đơn vị chủ trì hoặc trực tiếp thực hiện.

- Tồn tại, hạn chế, nhiệm vụ chậm hoặc chưa hoàn thành; khó khăn, vướng mắc trong phân công, phối hợp, nguồn lực, hồ sơ và tổ chức thực hiện.

- Nguyên nhân khách quan, chủ quan; trách nhiệm thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, phối hợp, theo dõi và lượng hóa kết quả.

V. ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHƯNG GIAI ĐOẠN THỨ HAI (TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030)

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch số 53/KH-UBND và chức năng hiện hành, rà soát Phụ lục 03 để đề xuất nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn thứ hai (2026-2030). Mỗi đề xuất cần nêu ngắn gọn: Nội dung hoạt động, sản phẩm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành; ưu tiên kế thừa nhiệm vụ giai đoạn trước, bảo đảm khả thi và không đề xuất dàn trải ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị đối với UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý nhiệm vụ chưa hoàn thành, tháo gỡ khó khăn, thống nhất số liệu, điều chỉnh đầu mối thực hiện hoặc hoàn thiện cơ chế phối hợp.

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi chuyên ngành; nêu rõ cơ quan có thẩm quyền xem xét và căn cứ thực tiễn.

- Các kiến nghị khác trực tiếp liên quan đến nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 53/KH-UBND và việc xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược, Công ước giai đoạn 2 (2026-2030).

VII. TÀI LIỆU GỬI KÈM

- Phụ lục 01 đã cập nhật kết quả đối với các nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao chủ trì; tài liệu chứng minh sản phẩm và kết quả thực hiện.

- Phần xác nhận, bổ sung Phụ lục 02 đối với các chỉ tiêu được phân công rà soát (nếu có).

- Ý kiến rà soát, đề xuất tại Phụ lục 03 đối với nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Phụ lục 01
THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 53/KH-UBND
VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC ĐẾN NĂM 2030
GIẢI ĐOẠN THỨ NHẤT (TỪ 01/10/2023 ĐẾN 30/6/2026)

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Yêu cầu: Phụ lục tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/02/2024; Cơ quan được giao chủ trì tại các nhiệm vụ chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện; trường hợp cơ quan đã được sắp xếp, hợp nhất hoặc kết thúc hoạt động thì cơ quan đang quản lý hồ sơ, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện.

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
I. HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TRÊN CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC							
1	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Tư pháp		Hàng năm		
2	Rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai	Văn bản rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai bổ sung, sửa đổi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
3	Rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật Khoáng sản	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện Luật Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
4	Rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật Nhà ở	Văn bản rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật Nhà ở bổ sung, sửa đổi	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
5	Rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật các Tổ chức tín dụng	Văn bản rà soát, hướng dẫn thực hiện Luật các Tổ chức tín dụng bổ sung, sửa đổi	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thanh Hóa	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
6	Rà soát, hệ thống, hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018	Thanh tra tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
7	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Đấu giá tài sản sửa đổi	Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Đấu giá tài sản bổ sung, sửa đổi	Sở Tư pháp	Các cơ quan có liên quan	2024		
8	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi	Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản bổ sung, sửa đổi	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
9	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
10	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan	2025		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
11	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán	Sở Tài chính	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2025		
12	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế	Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế bổ sung, sửa đổi	Cục Thuế tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2025		
13	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường	Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường bổ sung, sửa đổi	Cục Thuế tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2026		
14	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân	Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân bổ sung, sửa đổi	Cục Thuế tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2026		
15	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, sửa đổi	Cục Thuế tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2025		
16	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Giám định tư pháp	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Giám định tư pháp	Sở Tư pháp	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan	2025		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
17	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2026		
II. KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LIÊM CHÍNH; NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT							
1	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	Trước năm 2026		
2	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Viên chức	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Viên chức	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	Trước năm 2026		
3	Nghiên cứu, rà soát, hệ thống, góp ý về cải cách chính sách tiền lương và phụ cấp mới	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống quá trình thực hiện và góp ý hoàn thiện về cải cách chính sách tiền lương và phụ cấp mới	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	2025		
4	Tham gia tổng kết việc thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	Báo cáo tổng kết của tỉnh và tham luận Hội nghị toàn quốc	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	2025		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
5	Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với các sở, ngành, địa phương	Báo cáo đánh giá công tác PCTN của tỉnh	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Hàng năm		
6	Tổ chức tổng kết Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025	Báo cáo tổng kết của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan	2026		
III. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THANH TRA, KIỂM TOÁN, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ, THI HÀNH ÁN							
1	Rà soát, góp ý sửa đổi cơ chế thiết lập quy trình quản lý, xử lý tài sản phạm tội và tài sản liên quan đến tham nhũng, kinh tế, rửa tiền, tài trợ khủng bố	Báo cáo rà soát, góp ý sửa đổi cơ chế thiết lập	Công an tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Trước năm 2026		
2	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ; trong đó chú trọng nội dung phòng, chống tham nhũng	Báo cáo kết quả rà soát quá trình thực hiện và góp ý sửa đổi, bổ sung Nghị định	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ	2024		
3	Tham gia xây dựng CSDL quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn	Văn bản tham gia xây dựng Hệ thống CSDL	Thanh tra tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	2024		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
4	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Kiểm toán nhà nước	Báo cáo rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung và Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Kiểm toán nhà nước sửa đổi	Kiểm toán Nhà nước	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	2024		
5	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thi hành án dân sự	Báo cáo rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung và Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Thi hành án dân sự sửa đổi	Cục Thi hành án dân sự	Các cơ quan có liên quan	2025		
6	Tham gia xây dựng Đề án tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên đề công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, dư luận bức xúc, báo chí phản ánh	Văn bản tham gia xây dựng Đề án và Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của UBND tỉnh	Công an tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan có liên quan	2025		
7	Tham gia nghiên cứu tính khả thi và tham gia góp ý việc xây dựng cơ chế thu hồi tài sản không qua thủ tục kết tội tại Việt Nam	Văn bản tham gia nghiên cứu và góp ý xây dựng cơ chế	Sở Tư pháp	Công an tỉnh, VKSND tỉnh và các cơ quan có liên quan	2025		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
8	Rà soát, hệ thống, góp ý sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự	Báo cáo rà soát, hệ thống, góp ý sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2015 và Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi	Công an tỉnh	VKSND tỉnh và các cơ quan có liên quan	2024		
IV. NÂNG CAO NHẬN THỨC, PHÁT HUY VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC							
1	Nghiên cứu, rà soát Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-MTTQVN quy định chi tiết các hình thức giám sát, phân biệt xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các luật, nghị quyết khác có liên quan	Báo cáo kết quả nghiên cứu, rà soát kết quả thực hiện Nghị quyết	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các sở, ngành liên quan	2024		
2	Tham gia xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng	Báo cáo tham gia góp ý xây dựng và Văn bản hướng dẫn triển khai Nghị định	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan	2024		
3	Nghiên cứu, rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản	Báo cáo nghiên cứu, rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung và Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Xuất bản	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan	2024		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
4	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Báo chí	Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Báo chí sửa đổi, bổ sung	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan	2024		
5	Tổ chức tổng kết việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng	Báo cáo tổng kết của tỉnh	Thanh tra tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan	2024		
6	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2024-2026	Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Thanh tra tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan	2024		
7	Tham gia xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án thực hiện kinh doanh liên chính	Văn bản góp ý xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án	VCCI Thanh Hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan	2024		
8	Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và hướng dẫn triển khai thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của nhà báo và các cơ quan báo chí, truyền thông	Văn bản rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của nhà báo và các cơ quan báo chí, truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, tổ chức có liên quan	2025		
9	Tổng kết, đánh giá, đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về khen thưởng và bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Báo cáo tổng kết của tỉnh	Thanh tra tỉnh	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Công an tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan	2025		

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Cơ quan phối hợp theo Kế hoạch số 53/KH-UBND	Thời điểm hoàn thành	Kết quả thực hiện (lượng hóa cụ thể)	Ghi chú
10	Nghiên cứu, rà soát, tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hướng dẫn triển khai thực hiện	Báo cáo rà soát, tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung và Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sửa đổi	Ủy ban MTTQ tỉnh	Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan	2025		
V. TÍCH CỰC THAM GIA, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TRÊN CƠ SỞ CHÚ TRỌNG THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA QUỐC GIA THÀNH VIÊN UNCAC							
1	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật về dẫn độ	Văn bản hướng dẫn Luật về dẫn độ sửa đổi	Công an tỉnh	VKSND tỉnh, TAND tỉnh và các cơ quan có liên quan	2025		
2	Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù	Văn bản hướng dẫn triển khai Luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sửa đổi, bổ sung	Công an tỉnh	VKSND tỉnh, TAND tỉnh và các cơ quan có liên quan	2025		
3	Tham gia Hội nghị tổng kết công tác tổ chức các hoạt động đánh giá để thực thi UNCAC theo Nghị quyết của Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC về cơ chế đánh giá	Báo cáo tham luận tại Hội nghị tổng kết của Thanh tra Chính phủ	Thanh tra tỉnh	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, VKSND tỉnh và các cơ quan có liên quan	2024		
4	Tham dự Hội nghị hợp tác với UNODC, OECD, WB và một số đối tác, tổ chức quốc tế khác về hỗ trợ kỹ thuật trong phòng, chống tham nhũng	Báo cáo tham gia ý kiến tại Hội nghị của Thanh tra Chính phủ	Thanh tra tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan	Hàng năm		

PHỤ LỤC 02								
THÔNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG								
(Từ 01/10/2023 - 30/6/2026)								
(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)								
STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	TỔNG THỜI KỲ 01/10/2023-30/6/2026	GHI CHÚ BỔ SUNG, RÀ SOÁT
I. CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT								
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	128	450	905	378	1.861	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	4	0	22	15	41	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0	0	15	8	23	
II. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN								
1	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	17	233	130	99	479	
2	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Lượt người	3.669	39.261	15.436	11.841	70.207	
3	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	1.235	3.764	803	2.236	8.038	
III. THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TNTC								
1	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống TNTC	Cuộc		93	40	2	135	
2	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống TNTC đã ban hành kết luận	Cuộc		86	24	1	111	
3	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị		92	39	5	136	
4	Kiến nghị xử lý hành chính							
	+ Tập thể	Tập thể		0	1	0	1	
	+ Cá nhân	Người		0	0	0	0	
5	Kiến nghị xử lý hình sự							
	+ Số vụ	Vụ		0	0	0	0	
	+ Số đối tượng	Đối tượng		0	0	0	0	
IV. PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ								
1	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động							
1.1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	162	226	123	30	541	
1.2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0	08	0	0	8	
2	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
2.1	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	3	991	1289	132	2.415	
2.2	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	4	30	221	10	265	
2.3	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	13	32	14	0	59	
2.4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	20	9	0	0	29	
2.5	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	19	8	0	0	27	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	TỔNG THỜI KỲ 01/10/2023- 30/6/2026	GHI CHÚ BỔ SUNG, RÀ SOÁT
2.6	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0	8	0	0	8	
2.7	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0	0	0	0	0	
2.8	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	154,63	570,207	0	0	724,837	
2.9	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	154,63	0	0	0	154,63	
3	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn							
3.1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	26	65	10	56	157	
3.2	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0	0	0	0	0	
3.3	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0	0	0	0	0	
3.4	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
3.5	Số người bị xử lý do có vi phạm vi xung đột lợi ích	Người	0	0	0	0	0	
3.6	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0	0	0	0	0	
3.7	Số lượng đề xuất đổi mới, sáng tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đưa vào triển khai thực hiện	Người						Chỉ tiêu mới của Phụ lục 02 Kế hoạch số 2259/KH-TTCP. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở, ngành rà soát, tổng hợp toàn thời kỳ 01/10/2023-30/6/2026.
3.8	Số lượng cán bộ bị thay thế, điều chuyển công tác do năng lực yếu, sợ sai, đùn đẩy trách nhiệm, né tránh công việc	Người						Chỉ tiêu mới của Phụ lục 02 Kế hoạch số 2259/KH-TTCP, Giao Sở Nội vụ chủ trì rà soát, tổng hợp toàn thời kỳ 01/10/2023-30/6/2026.
4	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn							
4.1	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người		438	378	78	894	Giao Sở Nội vụ rà soát, bổ sung Quý IV/2023 và thống nhất giữa số phải thực hiện, số đã thực hiện.
4.2	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	163	639	378	51	1.231	Giao Sở Nội vụ rà soát, thống nhất số năm 2024 giữa số phải thực hiện và số đã thực hiện; làm rõ trường hợp chuyển tiếp từ kỳ trước và phạm vi thống kê.
5	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt							
5.1	Số dịch vụ công trực tuyến	Thủ tục				75.401		Các báo cáo Quý IV/2023, năm 2024 và năm 2025 sử dụng chỉ tiêu TTHC công/mức độ 3, 4, không tương đồng với chỉ tiêu mới. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công trích xuất lại số liệu theo đúng khái niệm của Phụ lục 02 cho toàn kỳ; đồng thời thống nhất tổng số 06 tháng đầu năm 2026.
5.2	Số dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Thủ tục				40.030		Chỉ tiêu theo phân loại mới, chưa có trong các báo cáo Quý IV/2023, năm 2024 và năm 2025. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công bổ sung toàn kỳ và đối chiếu với tổng số dịch vụ công trực tuyến.
5.3	Số dịch vụ công trực tuyến một phần	Thủ tục				35.680		Chỉ tiêu theo phân loại mới, chưa có trong các báo cáo Quý IV/2023, năm 2024 và năm 2025. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công bổ sung toàn kỳ và đối chiếu với tổng số dịch vụ công trực tuyến.
5.4	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0	6	7	4	17	
5.5	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	TỔNG THỜI KỲ 01/10/2023- 30/6/2026	GHI CHÚ BỔ SUNG, RÀ SOÁT
5.6	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	13.573.247	0	0	0	13.573.247	
5.7	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	95	0	0	0		
6	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn							
6.1	Số người đã thực hiện kê khai và công khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	317	8.699	13.324	5.347	27.687	
6.2	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	159	47	14	228	448	
6.3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	49	0	5	49	103	
6.4	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0	0	0	0	0	
	- Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0	0	0	0	0	
	- Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0	0	0	0	0	
V. PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ								
1	Tổng số vụ việc tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	5	28	21	1	55	
2	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	08	97	87	2	194	
3	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị							
3.1	Số vụ TNTC đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0	0	0	0	0	
3.2	Số đối tượng có hành vi TNTC được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0	0	0	0	0	
3.3	Số vụ TNTC được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0	0	0	0	0	
3.4	Số đối tượng có hành vi TNTC được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0	0	0	0	0	
3.5	Số vụ TNTC được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNTC trong cơ quan có chức năng phòng, chống TNTC	Vụ	0	0	0	0	0	
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNTC trong cơ quan thanh tra	Vụ				0	0	
3.6	Số đối tượng có hành vi TNTC được phát hiện qua kiểm tra trong cơ quan có chức năng phòng, chống TNTC	Người	0	0	0	0	0	
	- Trong đó số đối tượng có hành vi TNTC được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNTC trong cơ quan thanh tra	Người				0	0	
4	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán							
4.1	Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0	0	0	0	0	
4.2	Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0	0	0	0	0	
4.3	Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0	0	0	0	0	
4.4	Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0	0	0	0	0	
4.5	Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0	0	0	0	0	
4.6	Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0	0	0	0	0	
5	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực							

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	TỔNG THỜI KỲ 01/10/2023- 30/6/2026	GHI CHÚ BỔ SUNG, RÀ SOÁT
5.1	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi TNTC	Vụ việc	0	0	0	0	0	
5.2	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi TNTC đã được xem xét	Vụ việc	0	0	0	0	0	
5.3	Số vụ TNTC phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi TNTC	Vụ	0	0	0	0	0	
5.4	Số đối tượng có hành vi TNTC phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi TNTC	Người	0	0	0	0	0	
6	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo							
6.1	Số vụ TNTC được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0	0	0	0	0	
6.2	Số đối tượng có hành vi TNTC phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0	0	0	0	0	
7	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)							
7.1	Số vụ TNTC được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0	0	0	0	0	
7.2	Số đối tượng có hành vi TNTC phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0	0	0	0	0	
8	Qua điều tra tội phạm							
8.1	Số vụ án tham nhũng, tiêu cực (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0	27	21	0	48	
8.2	Số đối tượng tham nhũng, tiêu cực (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0	77	86	0	163	
9	Qua công tác truy tố tội phạm tham nhũng							
9.1	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố	Vụ		22	0	0	22	Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung số liệu và thống nhất toàn kỳ.
9.2	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ					0	Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung số liệu và thống nhất toàn kỳ.
9.3	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố	Người		44	0	0	44	Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung số liệu và thống nhất toàn kỳ.
10	Qua công tác xét xử tội phạm tham nhũng							
10.1	Số vụ án tham nhũng đã bị xét xử	Vụ		27	23	0	50	
10.2	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ						
10.3	Số bị can tham nhũng đã bị xét xử	Người		49	103	0	152	
11	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng, tiêu cực							
11.1	Số người tố cáo hành vi TNTC được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0	0	0	0	0	
11.2	Số người tố cáo hành vi TNTC bị trả thù	Người	0	0	0	0	0	
11.3	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0	0	0	0	0	
11.4	Số người tố cáo hành vi TNTC đã được khen, thưởng	Người	0	0	0	0	0	
VI. XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHƯNG, TIÊU CỰC								
1	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng, tiêu cực	Người	0	0	05	0	5	
2	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng, tiêu cực	Người	0	0	0	0	0	
3	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm đề xảy ra tham nhũng, tiêu cực	Người	0	0	0	0	0	
3.1	- Khiển trách	Người	0	0	0	0	0	
3.2	- Cảnh cáo	Người	0	0	0	0	0	
3.3	- Cách chức	Người	0	0	0	0	0	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	TỔNG THỜI KỲ 01/10/2023- 30/6/2026	GHI CHÚ BỔ SUNG, RÀ SOÁT
VII. XỬ LÝ THAM NHŨNG, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ								
1	Số vụ án TNTC đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	5	18	22	0	45	Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh rà soát phạm vi xét xử sơ thẩm, thống nhất với dòng V.10.1 và số liệu theo từng kỳ.
2	Số đối tượng bị kết án TNTC (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp), trong đó:	Người	11	40	100	0	151	Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh rà soát số đối tượng bị kết án, phân loại mức độ tội phạm và thống nhất với dòng V.10.3.
2.1	- Số đối tượng phạm tội TNTC ít nghiêm trọng	Người	10	20	65	0	95	
2.2	- Số đối tượng phạm tội TNTC nghiêm trọng	Người	1	14	28	0	43	
2.3	- Số đối tượng phạm tội TNTC rất nghiêm trọng	Người	0	1	7	0	8	
2.4	- Số đối tượng phạm tội TNTC đặc biệt nghiêm trọng	Người	0	5	0	0	5	
3	Số vụ việc TNTC đã được xử lý hành chính	Vụ	0	0	0	0	0	
4	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi TNTC	Người	0	0	0	0	0	
5	Số vụ việc TNTC đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	01	0	0	0	Không cộng	
6	Số đối tượng TNTC đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	14	0	0	0	Không cộng	
7	Tài sản bị TNTC, gây thiệt hại do TNTC đã phát hiện được							
7.1	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	83.953	0	0	0	83.953	
7.2	Đất đai	m2	0	0	0	0	0	
8	Tài sản TNTC, gây thiệt hại do TNTC đã được thu hồi, bồi thường							
8.1	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu đồng				0	0	
	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu đồng				0	0	
8.2	Đất đai	m2	0	0	0	0	0	
	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m2				0	0	
	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m2				0	0	
9	Tài sản TNTC, gây thiệt hại do TNTC không thể thu hồi, khắc phục được							
9.1	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
9.2	Đất đai	m2	0	0	0	0	0	
VIII. PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG, TIÊU CỰC TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)								
1	Tổng số vụ việc tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ		0	0	0	0	Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung
2	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người		0	0	0	0	Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung
3	Số vụ việc tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ		0	0	0	0	Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung
4	Số đối tượng tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người		0	0	0	0	Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	TỔNG THỜI KỲ 01/10/2023- 30/6/2026	GHI CHÚ BỔ SUNG, RÀ SOÁT
5	Số vụ việc tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ		0	0	0	0	Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung
6	Số đối tượng tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người		0	0	0	0	Giao Thanh tra tỉnh rà soát, bổ sung
IX. PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC								
1	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	01	112	0	0		Giao Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực phụ trách địa bàn Thanh Hóa thống nhất phạm vi, số lượng tại ngày 30/6/2026.
2	Số lượng công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội trên địa bàn đã xây dựng và thực hiện quy tắc đạo đức kinh doanh, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng	Tổ chức						Giao Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực phụ trách địa bàn Thanh Hóa thống nhất phạm vi, số lượng tại ngày 30/6/2026.
3	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0	14	0	0	14	
4	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0	0	0	0	0	
5	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0	0	0	0	0	
6	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0	0	0	0	0	
7	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0	0	0	0	0	

Phụ lục 03

**ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ NHẪM XÂY DỰNG
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC ĐẾN NĂM 2030
VÀ CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHŨNG GIAI ĐOẠN THỨ HAI (2026-2030)**

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ rà soát, đề xuất nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030; bảo đảm ngắn gọn, khả thi và phù hợp tình hình thực tế.

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành	Ghi chú
I. HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TRÊN CÁC LĨNH VỰC QUẢN LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC						
1	Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.	Báo cáo rà soát; văn bản kiến nghị, đề xuất.	Các sở, ban, ngành theo chức năng	Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan	Hàng năm	
2	Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị hoàn thiện các quy định còn sơ hở, bất cập, chồng chéo.	Văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị xử lý.	Các sở, ban, ngành theo chức năng	Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan	Hàng năm	
3	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc xử lý các kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách qua thanh tra, kiểm tra và hoạt động nghiệp vụ.	Báo cáo kết quả theo dõi, xử lý kiến nghị.	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Hàng năm	
4	Tiếp tục công khai, minh bạch các quy định, quy trình và thủ tục thuộc phạm vi quản lý nhà nước.	Quy trình, thủ tục được công khai; báo cáo kết quả.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan	Thường xuyên	
II. KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LIÊM CHÍNH; NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT						

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành	Ghi chú
1	Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền bảo đảm rõ trách nhiệm và hiệu quả hoạt động.	Báo cáo rà soát; phương án kiện toàn.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Theo yêu cầu và hằng năm	
2	Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ và văn hóa liêm chính cho cán bộ, công chức, viên chức.	Kế hoạch, chương trình và báo cáo kết quả.	Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan	Hằng năm	
3	Tiếp tục kiểm tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý hành vi né tránh, đùn đẩy, những nhiễu, tiêu cực.	Kế hoạch kiểm tra; báo cáo, kết luận và kiến nghị xử lý.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hằng năm	
4	Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, gồm công khai, minh bạch, chuyển đổi vị trí công tác, kiểm soát xung đột lợi ích và tài sản, thu nhập.	Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện.	Thanh tra tỉnh và các cơ quan theo chức năng	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan	Hằng năm	
III. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THANH TRA, KIỂM TOÁN, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ, THI HÀNH ÁN						
1	Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm đối với lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng, tiêu cực.	Kế hoạch; kết luận và báo cáo kết quả.	Thanh tra tỉnh và các cơ quan theo chức năng	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm	
2	Tiếp tục tăng cường phối hợp trong phát hiện, chuyển giao, xử lý vụ việc, vụ án có dấu hiệu	Quy chế phối hợp; báo cáo kết quả xử lý.	Công an tỉnh và các cơ quan theo chức năng	Thanh tra tỉnh, Viện kiểm sát, Tòa án, Thi hành án dân sự và các	Thường xuyên	

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành	Ghi chú
	tham nhũng, tiêu cực.			cơ quan liên quan		
3	Tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn tâu tán tài sản và nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, kinh tế.	Báo cáo kết quả và số liệu thu hồi tài sản.	Các cơ quan tiến hành tố tụng, Thi hành án dân sự	Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan	Thường xuyên	
4	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý và kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.	Báo cáo kết quả thực hiện và kiến nghị xử lý.	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm	

IV. NÂNG CAO NHẬN THỨC, PHÁT HUY VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1	Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực bằng hình thức phù hợp.	Kế hoạch, tài liệu và báo cáo kết quả tuyên truyền.	Sở Tư pháp	Thanh tra tỉnh, cơ quan báo chí và các cơ quan liên quan	Hàng năm	
2	Tiếp tục đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và giáo dục liêm chính vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng.	Chương trình, tài liệu và báo cáo kết quả.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan	Hàng năm	
3	Tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và Nhân dân.	Chương trình giám sát; báo cáo và kiến nghị.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Các tổ chức thành viên và cơ quan liên quan	Hàng năm	
4	Tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài	Chương trình, hướng dẫn và báo cáo kết quả.	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và cơ	Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan	Hàng năm	

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành	Ghi chú
	nhà nước xây dựng văn hóa kinh doanh liên chính.		quan quản lý theo chức năng			
V. TÍCH CỰC THAM GIA, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TRÊN CƠ SỞ CHÚ TRỌNG THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CÁC QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA QUỐC GIA THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHŨNG						
1	Tiếp tục cung cấp thông tin, số liệu phục vụ việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo yêu cầu của cơ quan Trung ương.	Báo cáo, số liệu và tài liệu cung cấp.	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan	Theo yêu cầu	
2	Tiếp tục phối hợp xử lý các vụ việc tham nhũng có yếu tố nước ngoài khi phát sinh.	Hồ sơ phối hợp và báo cáo kết quả.	Công an tỉnh và các cơ quan theo chức năng	Thanh tra tỉnh, Viện kiểm sát, Tòa án, Thi hành án dân sự và các cơ quan liên quan	Khi phát sinh	
3	Tiếp tục tham gia các hoạt động đào tạo, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế phù hợp với điều kiện của tỉnh.	Kế hoạch hoặc báo cáo kết quả tham gia.	Thanh tra tỉnh	Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan	Theo yêu cầu	
VI. CÁC NHIỆM VỤ KHÁC (NẾU CÓ)						
1	Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	Báo cáo kiểm tra, sơ kết, tổng kết.	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo yêu cầu	